

Số -QĐ/VHLKHCNVN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

về mức đảm bảo của ngân sách nhà nước, chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ và định mức, nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

- Căn cứ Quyết định số 17-QĐ/TW, ngày 30/3/2026 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN, ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN, ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn lập dự toán quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Xét đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính,

CHỦ TỊCH VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức đảm bảo của ngân sách nhà nước, chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ và định mức, nội

dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho các nhiệm vụ được phê duyệt thực hiện theo Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, ngày 27/6/2025. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang được tổ chức thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13, ngày 18/6/2013 sẽ tiếp tục áp dụng định mức chi quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Quyết định số 243/QĐ-VHL, ngày 01/3/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ban hành Quy định định mức hệ số công lao động cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chi quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam cho đến khi nhiệm vụ hoàn tất nghiệm thu và thanh lý hợp đồng theo quy định.

Các văn bản pháp lý được dẫn chiếu tại quy định này sẽ được điều chỉnh khi Nhà nước ban hành văn bản thay thế, điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính, Trưởng Ban Khoa học và Công nghệ, Trưởng Ban Đào tạo và Hợp tác quốc tế, Giám đốc Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và các cán bộ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Chủ tịch Viện Hàn lâm (để b/c),
- Các Phó Chủ tịch,
- Công TTĐT Viện Hàn lâm,
- Lưu VT, KHTC.

**K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Giang

*

QUY ĐỊNH

về mức đảm bảo của ngân sách nhà nước, chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ và định mức, nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số -QĐ/VHLKHCNVN, ngày / /2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

A. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

I. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (sau đây viết tắt là Viện Hàn lâm).

II. Phạm vi áp dụng

- Các chương trình nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Viện Hàn lâm;

- Các hoạt động hỗ trợ: Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo;

- Các nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ tại Viện Hàn lâm;

- Đối với các nhiệm vụ thuộc nguồn sự nghiệp khác nếu chưa có quy định về định mức thì được áp dụng định mức tại quyết định này. Các nhiệm vụ KHCN tài trợ bởi nguồn vốn ODA, NGO, hợp tác quốc tế, hợp tác với ngành, địa phương áp dụng theo thỏa thuận riêng, nếu không có thỏa thuận riêng thì áp dụng theo định mức tại quyết định này.

- Kinh phí chi quản lý các nhiệm vụ:

+ Kinh phí chi quản lý các nhiệm vụ cấp Viện Hàn lâm: Lấy từ kinh phí hoạt động của Viện Hàn lâm;

+ Kinh phí quản lý các nhiệm vụ cấp cơ sở, các nhiệm vụ được Chủ tịch Viện giao đơn vị thẩm định phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ và đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ: Lấy từ kinh phí hoạt động của đơn vị.

+ Tổng kinh phí lập dự toán chi quản lý các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đặt hàng, tài trợ ở mỗi cấp không vượt quá 3% dự toán cho kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chuyên tiếp và mở mới hằng năm.

B. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. Nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản: Có tính mới, tính sáng tạo, có khả năng tạo ra tri thức khoa học mới, góp phần nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia; áp dụng phương pháp nghiên cứu tiên tiến; có kết quả công bố trên các ấn phẩm trong nước và quốc tế.

2. Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng: Có tính mới, tính sáng tạo, ý nghĩa khoa học, có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu tạo ra giải pháp phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, xây dựng chính sách, có ý nghĩa thực tiễn và tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Nhiệm vụ phát triển công nghệ: Góp phần tạo ra công nghệ có tính mới, tính sáng tạo, phù hợp với xu thế công nghệ trong nước và quốc tế, có khả năng ứng dụng sản xuất thử sản phẩm mới trong điều kiện sản xuất thực tế nhằm kiểm soát chất lượng, chi phí và khả năng thương mại hóa trước khi triển khai sản xuất thương mại; có doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức cam kết tiếp nhận, ứng dụng, thương mại hóa kết quả hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ; có khả năng huy động kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện.

4. Nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội phải xuất phát từ nhu cầu giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở địa phương, vùng, quốc gia, hoặc phục vụ phát triển ngành, lĩnh vực; kết quả đóng góp về lý luận, học thuật; góp phần đề xuất các giải pháp, chính sách, pháp luật, mô hình, quy trình, phương thức tổ chức, quản lý có tính đột phá, đổi mới và khả năng ứng dụng cao; có tổ chức tiếp nhận, ứng dụng.

5. Tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ là đơn vị dùng để xác định mức thù lao cho từng chức danh hoặc nhóm chức danh tham gia thực hiện các nội dung nghiên cứu/kết quả công việc của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ được xác định dựa trên khối lượng công việc thực hiện và trách nhiệm của chức danh hoặc nhóm chức danh đối với nội dung nghiên cứu/kết quả công việc của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, không gắn với thời gian theo tháng dương lịch.

6. Đánh giá trong kỳ của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là hoạt động do đơn vị chức năng được Chủ tịch giao thực hiện trong thời gian triển khai nhiệm vụ nhằm đánh giá mức độ hoàn thành công việc, tiến độ so với kế hoạch được phê duyệt, các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

7. Đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là hoạt động do cơ quan quản lý nhiệm vụ thực hiện khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm xác định mức độ tương xứng giữa kết quả đạt được với nguồn lực ngân sách đã sử

dụng, số lượng sản phẩm, giá trị khoa học, giá trị tư vấn chính sách, khả năng ứng dụng thực tiễn và đóng góp cho đổi mới sáng tạo.

8. Hợp đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là hợp đồng giao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi là hợp đồng giao nhiệm vụ), trong đó xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện.

C. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đặt hàng.

2. Mức đảm bảo của ngân sách nhà nước để xét tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như sau:

a) Ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí đối với các nội dung chi quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản;

b) Ngân sách nhà nước bảo đảm một phần kinh phí đối với các nội dung chi quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, nhiệm vụ phát triển công nghệ và nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội với mức bảo đảm kinh phí như sau:

b1) Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí tối đa 80% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội;

b2) Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ;

b3) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại tiêu điểm b1 và b2 điểm này do doanh nghiệp thực hiện, ngân sách nhà nước không bảo đảm kinh phí cho các nội dung chi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

c) Ngân sách nhà nước bảo đảm một phần kinh phí đối với các nội dung chi quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP để xét tài trợ thực hiện các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP như sau:

c1) Đối với các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, kết quả thực hiện nhiệm vụ để tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, quy trình, mô hình kinh doanh đã có, ngân sách nhà nước bảo đảm tối đa không quá 30% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

c2) Đối với các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, trong thời gian thực hiện nhiệm vụ tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh mới, ngân sách nhà nước bảo đảm tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

c3) Đối với nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại tiêu điểm c1 và tiêu điểm c2 điểm này do doanh nghiệp thực hiện, ngân sách nhà nước không bảo

đảm kinh phí cho các nội dung chi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP;

c4) Đối với các nhiệm vụ quy định tại các tiêu điểm c1 và c2 điểm này, Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đề xuất tỉ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ bảo đảm không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại tiêu điểm c1 và tiêu điểm c2 điểm này và trình Chủ tịch Viện xem xét, phê duyệt.

d) Đối với nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí thực hiện bao gồm:

d1) Nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ đối với dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý;

d2) Nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ mà chủ sở hữu quyền là cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội;

d3) Nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ để phát triển công nghệ chiến lược theo Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

đ) Nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện chương trình, nhiệm vụ được quy định tại Chương II Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN và theo các quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước.

3. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa không vượt quá 2,5 lần giá trị đóng góp của đối tác nước ngoài đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, trừ trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Viện quyết định.

4. Nguồn kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp đối ứng để thực hiện chương trình, nhiệm vụ:

a) Mức chi từ nguồn kinh phí đối ứng để thực hiện chương trình, nhiệm vụ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp do doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp tự quyết định;

b) Các khoản chi của doanh nghiệp trực tiếp cho chương trình, nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP;

c) Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện chương trình, nhiệm vụ thực hiện theo quy định về nội dung chi và quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ tại Điều 13 và Điều 14 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

4. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

D. KINH PHÍ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ

1. Ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ như sau:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí đối với các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP theo các nội dung chi và mức hỗ trợ quy định tại Điều 38 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện các hoạt động hỗ trợ tại khoản 6 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP được phê duyệt theo nguyên tắc như sau:

b1) Đối với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức khoa học và công nghệ công lập: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ;

b2) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở ngoài công lập, doanh nghiệp và tổ chức khác, mức tỷ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ;

c) Nội dung và mức chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện theo các quy định tại Chương III của Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN và theo các quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước;

d) Số kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ quy định tại điểm b khoản này được xác định trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ hợp lệ để thực hiện các hoạt động hỗ trợ và tối đa không vượt quá số kinh phí được phê duyệt thực hiện hoạt động hỗ trợ.

2. Nguồn kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp để thực hiện hoạt động hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN.

3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

E. ĐỊNH MỨC CHI THÙ LAO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Viện Hàn lâm được quy đổi thành tháng là 70 triệu đồng/tháng.

Căn cứ mức trần kinh phí của từng nhiệm vụ, Chủ nhiệm nhiệm vụ được lập dự toán chi thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không vượt quá định mức thù lao trên và hệ số lao động khoa học của các chức danh theo bảng 1 thuộc mục G.

G. QUY ĐỊNH VỀ CÁC CHỨC DANH THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

I. Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ là người chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong việc: xây dựng thuyết minh nhiệm vụ; quản lý chung, phân công, điều phối việc thực hiện toàn bộ nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ; đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ; xây dựng báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng các điều kiện đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật liên quan (nếu có).

c) Mỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chỉ có một chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Thư ký khoa học

a) Thư ký khoa học là người hỗ trợ chủ nhiệm nhiệm vụ quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm việc: hỗ trợ theo dõi đơn đốc tiến độ triển khai nhiệm vụ; hỗ trợ xây dựng các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; hỗ trợ công tác thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ và các công việc hỗ trợ khác theo phân công của chủ nhiệm nhiệm vụ.

b) Mỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chỉ có một thư ký khoa học.

3. Thành viên chính

a) Thành viên chính là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Trong một nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nhiều nội dung nghiên cứu. Mỗi nội dung nghiên cứu được chủ trì thực hiện bởi một thành viên chính.

4. Thành viên

Thành viên thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công tham gia thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (không bao gồm lao động phổ thông)

Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ là người được chủ nhiệm nhiệm vụ bố trí thực hiện các thao tác kỹ thuật hoặc hoạt động hỗ trợ nghiên cứu để phục vụ thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu theo thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Việc lập dự toán chi tiết thù lao cho các chức danh phải gắn với các nội dung nghiên cứu và các công việc cụ thể trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật.

II. Hệ số lao động khoa học của các chức danh

1. Hệ số lao động khoa học của các chức danh như sau:

Bảng 1: Hệ số lao động khoa học các chức danh

STT	Chức danh (CD)	Hệ số lao động khoa học (H _{CD})
-----	----------------	--

STT	Chức danh (CD)	Hệ số lao động khoa học (H _{CD})
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1,0
2	Thư ký khoa học	0,3
3	Thành viên chính	0,8
4	Thành viên	0,4
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2

2. Một cá nhân có thể tham gia nhiều nội dung, công việc nghiên cứu với các chức danh khác nhau khi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thù lao của cá nhân trong nội dung, công việc nghiên cứu được tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh tương ứng và thời gian cá nhân thực hiện nội dung, công việc nghiên cứu đó.

III. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu và theo chức danh (đối với chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (đối với thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ).

2. Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ để thực hiện các công việc quy định tại điểm a khoản 1 mục I Quy định này được tính theo công thức sau:

$$TL_{CN} = 1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

TL_{CN}: Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ;

DM_{CN}: Định mức thù lao theo tháng được quy đổi của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

3. Dự toán chi thù lao của thư ký khoa học để thực hiện các công việc quy định tại điểm a khoản 2 mục I Quy định này được tính theo công thức sau:

$$TL_{TK} = 0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

TL_{TK}: Thù lao của thư ký khoa học;

DM_{CN}: Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

4. Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times \Sigma t_{NCD}$$

Trong đó:

TL_{NCD} : Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại khoản 1 Mục này;

H_{CD} : Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại Bảng 1;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN;

Σt_{NCD} : Tổng số tháng được quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm chức danh.

5. Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh cho số ngày được quy đổi không đủ tháng được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times (\Sigma t_n / 26)$$

Trong đó:

TL_{NCD} : Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại khoản 1 Mục này;

H_{CD} : Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại Bảng 1;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN;

Σt_n : Tổng số ngày được quy đổi không đủ tháng mà nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ($t_n < 26$).

6. Việc lập dự toán chi thù lao cho các chức danh và nhóm chức danh thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

H. MỘT SỐ ĐỊNH MỨC, NỘI DUNG CHI QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

I. Phân nhóm nhiệm vụ

1. Nhóm 1: Là các nhiệm vụ có tổng kinh phí thực hiện (kinh phí Viện Hàn lâm KHCNVN) < 1.000 triệu đồng;

2. Nhóm 2: Là các nhiệm vụ có tổng kinh phí thực hiện (kinh phí Viện Hàn lâm KHCNVN) ≥ 1.000 triệu đồng.

II. Định mức chi quản lý

1. Định mức chi thù lao

1.1 Định mức chi hội đồng tư vấn

Bảng 2

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa	
			Nhóm 1	Nhóm 2
1	Chi Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo			
a)	<i>Chi họp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>		
	Chủ tịch hội đồng		1.000	1.600
	Phó chủ tịch hội đồng, Thành viên hội đồng		800	1.300
	Thư ký khoa học		300	300
	Thư ký hành chính		200	200
	Đại biểu tham dự		100	100
b)	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	<i>01 phiếu nhận xét</i>		
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		400	600
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		600	900
c	<i>Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện</i>	<i>Nhiệm vụ</i>		
	Chủ tịch hội đồng		500	600
	Phó chủ tịch hội đồng, Thành viên hội đồng		300	400
2	Chi Hội đồng xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển			
a)	<i>Chi họp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>		
	Chủ tịch hội đồng		1.600	
	Phó chủ tịch hội đồng, Thành viên hội đồng		1.300	
	Thư ký khoa học		300	
	Thư ký hành chính		200	
	Đại biểu tham dự		100	
b)	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	<i>01 phiếu</i>		

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa	
			Nhóm 1	Nhóm 2
		<i>nhận xét</i>		
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		600	
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		900	

1.2 Định mức chi hội đồng thẩm định tài chính kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Bảng 3

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa	
		Nhóm 1	Nhóm 2
Chi họp hội đồng thẩm định tài chính	Nhiệm vụ		
Chủ tịch hội đồng		600	900
Thành viên hội đồng		500	700
Thư ký hành chính		200	300
Đại biểu tham dự		100	100

1.3. Định mức chi chuyên gia tư vấn

Bảng 4

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa
Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia	Chuyên gia	1.500

1.4. Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

Bảng 5

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa	
			Nhóm 1	Nhóm 2
a)	Chi họp Hội đồng	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		700	1.200

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa	
			Nhóm 1	Nhóm 2
	Phó chủ tịch hội đồng, Thành viên hội đồng		500	1.000
	Thư ký khoa học		300	300
	Thư ký hành chính		200	200
	Đại biểu tham dự		100	100
b)	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	<i>01 phiếu nhận xét</i>		
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		300	500
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		200	300

1.5. Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Bảng 6

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa	
			Nhóm 1	Nhóm 2
a)	<i>Chi họp Hội đồng</i>	<i>01 nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả</i>		
	Chủ tịch hội đồng		1.000	1.600
	Phó chủ tịch hội đồng, Thành viên hội đồng		800	1.300
	Thư ký khoa học		300	300
	Thư ký hành chính		200	200
	Đại biểu tham dự		100	100
b)	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	<i>01 phiếu nhận xét</i>		
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		400	600
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		600	900

1.6. Chi đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Các khoản chi cho đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược, kế hoạch được xây dựng dự toán trên cơ

sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm:

- Chi quản lý, lập kế hoạch và đánh giá;
- Chi xây dựng bộ tiêu chí, biểu mẫu, công cụ thu thập dữ liệu;
- Chi xây dựng, cập nhật, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đánh giá;
- Chi tổng hợp, phân tích, thống kê kết quả đánh giá;
- Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đánh giá cho cán bộ, chuyên gia;
- Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ quá trình thực hiện đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Chi công bố, tổng kết, công khai kết quả đánh giá;
- Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình thực hiện đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Chi thù lao cho Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược thực hiện như sau:

Bảng 7

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa
a)	Chi hợp Hội đồng	Hội đồng	<i>Theo công lao động thực tế và mức chi lương chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV</i>
	Chủ tịch hội đồng	Công	
	Phó chủ tịch hội đồng, Thành viên hội đồng	Công	
	Thư ký khoa học	Công	
	Thư ký hành chính	Công	
b)	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		1.000

1.7. Các nội dung chi khác (thuê hội trường, văn phòng phẩm, công tác phí, chi phí cần thiết khác): Các đơn vị chức năng xây dựng dự toán báo cáo Chủ tịch Viện xem xét phê duyệt theo từng nghiệp vụ phát sinh (nếu có).

2. Công tác kiểm tra đánh giá trong kỳ và đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định;

b) Dự toán chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại bảng 2 và bảng 4;

c) Dự toán chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được áp dụng tối đa bằng 100% mức chi quy định tại bảng 2 và bảng 4.

3. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có): Thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 39/2025/TT-BKH-CN.

4. Đối với Ban Chủ nhiệm chương trình (nếu có): Mức chi thù lao các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm chương trình áp dụng theo mức chi cho thành viên hội đồng của Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại bảng 6. Mức chi cho các hoạt động của Ban Chủ nhiệm chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Chi tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Viện Hàn lâm

Dự toán được xây dựng trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật, bao gồm:

- Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC, ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 37/2022/TT-BTC, ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV; các chi phí cần thiết khác theo chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan;

- Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC, ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính; tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN; Thông tư số 140/2025/TT-BTC, ngày 30/12/2025 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí;

- Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: Thực hiện chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và quy định của pháp luật về đấu thầu trong phạm vi dự toán kinh phí cho nhiệm vụ này đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Chi công tác thông tin, tuyên truyền, công bố chiến lược, kế hoạch trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

- Các khoản chi khác như chi mua báo cáo, tài liệu, dữ liệu chuyên sâu để phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: Thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

6. Đối với chi thù lao của các Hội đồng khác quy định tại Quyết định này được áp dụng trong khoảng 50% đến 100% mức chi Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại bảng 2 và được các đơn vị chức năng đề xuất Chủ tịch Viện xem xét, phê duyệt định mức kèm theo quyết định thành lập của từng Hội đồng.

**K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Giang